

## Phát triển bền vững vùng Tây Nguyên: TỪ LÝ LUẬN ĐẾN THỰC TIỄN

GS.VS Châu Văn Minh, TS Nguyễn Đình Kỳ

Ban Chủ nhiệm Chương trình Tây Nguyên 3 và Chương trình Tây Nguyên 2016-2020  
Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam

Từ những phân tích về tính cấp bách trong phát triển bền vững (PTBV) khu vực Tây Nguyên và hệ thống lý luận trong quan điểm PTBV, cùng với những kết quả nghiên cứu của các Chương trình Tây Nguyên, bài viết đã chỉ ra những vấn đề cần tập trung, lưu ý khi xây dựng mô hình PTBV Tây Nguyên. Đó cũng là việc làm rõ những giá trị cốt lõi, giá trị căn bản và giá trị đặc trưng của Tây Nguyên, phục vụ cho PTBV, hướng tới cuộc sống hạnh phúc, an bằng cùng thiên nhiên và vũ trụ.

### Mục tiêu PTBV Tây Nguyên - vấn đề cấp bách

PTBV (sustainable development) đã trở thành mục tiêu thiên niên kỷ (trước khi nhân loại bước vào thế kỷ XXI) tại Hội nghị Thượng đỉnh Rio de Janeiro 1992 do Liên hợp quốc (LHQ) tổ chức. Tại đây, Chính phủ Việt Nam đã ký tuyên bố chung Rio về môi trường và phát triển, Chương trình nghị sự 21 toàn cầu cam kết xây dựng chiến lược PTBV quốc gia và Chương trình nghị sự 21 của địa phương. Ngay sau Hội nghị này, năm 1993 Quốc hội đã ban hành Luật Bảo vệ môi trường (BVMT); tháng 6/1998 Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 36-CT/TW về tăng cường công tác BVMT trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, khẳng định PTBV là cơ sở quan trọng đảm bảo phát triển quốc gia. Năm 2004, Việt Nam đã phê chuẩn Chiến lược quốc gia về BVMT thời kỳ đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020. Nhiều hoạt động cho mục tiêu PTBV quốc gia và vùng lãnh thổ (trong đó có Tây Nguyên) đã được triển khai với những kết quả khả quan. Song, từ lý luận PTBV toàn cầu đến thực tiễn mỗi quốc gia và vùng lãnh thổ của Việt Nam còn nhiều vấn đề cần



giải quyết. Có những quan niệm khác nhau ở cách tiếp cận, chỉ tiêu đánh giá và giải pháp thực hiện. Trong bối cảnh đó, Chương trình KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) vùng Tây Nguyên giai đoạn 2011-2015 (Chương trình Tây Nguyên 3) được Chính phủ giao thực hiện có mục tiêu đầu tiên là góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho phát triển bền vững KT-XH Tây Nguyên.

Tây Nguyên là vùng địa lý sinh thái núi - cao nguyên phía tây Trường Sơn Nam của đất nước, bao gồm địa giới hành chính của 5 tỉnh: Kon Tum, Gia

Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng với diện tích gần 5,4 triệu ha. Với vị thế đặc biệt quan trọng, Tây Nguyên được coi là “nóc nhà Đông Dương” và là vùng sinh thái cảnh quan đầu nguồn (phân thủy) chia nước giữa lưu vực sông Mê Kông và Biển Đông. Bởi vậy, vấn đề khai thác tài nguyên và phát triển KT-XH ở đây hết sức nhạy cảm, có ảnh hưởng và tác động đa chiều, liên lãnh thổ. Một số vấn đề bất cập từ nhận thức đến thực tiễn trong phát triển thiếu bền vững vùng Tây Nguyên cần được làm sáng tỏ. Chủ trương nhất quán của Đảng và

Nhà nước ta kể từ khi thống nhất đất nước là “xây dựng Tây Nguyên thành địa bàn vững chắc về an ninh - quốc phòng và vùng trọng điểm kinh tế của cả nước”. Đây là quyết tâm chính trị mạnh mẽ của Đảng và Nhà nước, cùng với đó là những chỉ đạo, hành động quyết liệt, được thể hiện qua Nghị quyết số 37/CT-TW (1982) về phương hướng cơ bản phát triển kinh tế thời hậu chiến Tây Nguyên, Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) và Kết luận số 12-KL/TW ngày 24/11/2011 về phát triển vùng Tây Nguyên thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn 2011-2020. Nhờ vậy, vượt qua mọi khó khăn thách thức, đặc biệt sau hơn 30 năm đổi mới đất nước, Tây Nguyên đã đạt được những thành tựu KT-XH quan trọng, từ vùng bất ổn, nghèo nàn sau chiến tranh thành vùng KT-XH ổn định, an ninh - quốc phòng được giữ vững, tăng trưởng cao, đời sống người dân được cải thiện. Nhà nước đã tập trung huy động nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng giao thông, đô thị, công nghiệp, văn hóa giáo dục và tái cơ cấu chuyển dịch mô hình phát triển nông lâm nghiệp Tây Nguyên. Một Tây Nguyên đặc thù giàu tài nguyên, đa văn hóa của 54 dân tộc Việt Nam nơi ngã ba Đông Dương đang khát vọng hướng tới một vùng kinh tế trọng điểm PTBV.

Tại Hội nghị xúc tiến đầu tư vùng Tây Nguyên tổ chức ngày 11/3/2017, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã khẳng định: “Trước đây chúng ta đặt vấn đề: ổn định để phát triển, nay đổi lại PTBV để ổn định an ninh lâu dài”. Mặt khác, Thủ tướng cũng chỉ ra nhiều mặt yếu kém, bất cập, thiếu bền vững trong khai thác tài nguyên môi trường, phòng tránh thiên tai ở Tây Nguyên trong thời gian qua. Chỉ đạo của Thủ tướng về “đóng cửa rừng”, “ngừng xây dựng thủy điện”, “phát triển năng lượng sạch”, “giải quyết tình trạng tranh chấp đất đai”... ngay sau đó đã được triển khai thông qua các nhiệm vụ khoa học. Các kết quả của Chương trình Tây

Nguyên 3 đã được Thủ tướng yêu cầu chuyển giao cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổ chức Đề án Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH Tây Nguyên thích ứng với biến đổi khí hậu.

PTBV Tây Nguyên đang đối mặt với nhiều thách thức, đa cấp độ, từ vấn đề “toàn cầu hóa”, “chuyển dịch địa chính trị” hay “biến đổi khí hậu toàn cầu” đến cấp độ “thể chế quốc gia”, “cơ chế vùng và siêu vùng” từ các hiệp định thương mại tự do. Nội hàm bên trong các thách thức là các mâu thuẫn lợi ích ở các cấp độ tương ứng cần được giải quyết. Để PTBV bền vững quy luật tự nhiên, quy luật xã hội nhân văn và quy luật văn hóa lịch sử, nghĩa là giải quyết các mâu thuẫn cho phát triển lâu dài, hòa thuận giữa Trời - Đất và Con người (thiên - địa - nhân). Dưới đây sẽ phân tích một số luận điểm về PTBV của một số học giả trên thế giới phục vụ việc xác lập mô hình PTBV vùng Tây Nguyên từ thực tiễn nghiên cứu của Chương trình Tây Nguyên 3.

### Một số luận điểm về bền vững và PTBV

Một trong những luận điểm quan trọng của học thuyết C. Mác thế kỷ XIX là vật chất và sự vật luôn luôn biến đổi, vận động, “đúng yên chỉ là tương đối tạm thời còn vận động và biến đổi là tuyệt đối không ngừng”. Thực tiễn của thế giới tự nhiên từ vũ trụ (như sao chổi, thiên thạch) đến Trái đất đang biến đổi từng ngày (thiên tai, thảm họa) cho thấy luận điểm trên vẫn còn giá trị. Bên cạnh đó, sự biến đổi mô hình tổ chức xã hội loài người ở từng quốc gia, lãnh thổ và phạm vi toàn cầu xảy ra liên tục, dẫn đến xung đột, chiến tranh.

Sự vận động không ngừng của “vũ trụ - thiên nhiên” và “xã hội - loài người” trên Trái đất từ cộng sinh đến xung đột và đã tới ngưỡng “thảm họa - hủy diệt” như cảnh báo của Tổng thư ký LHQ mới đây. Trước đó, từ thập niên cuối thế kỷ XX đã ra đời các tác phẩm “Tiếng kêu cứu của Trái

đất”, “Chăm lo cho Trái đất” (IUCN/ UNEP/WWF 1991) và việc thông qua “Chương trình nghị sự 21” tại Hội nghị Thượng đỉnh về Trái đất tổ chức năm 1992 đã xác nhận sự phát triển không bền vững của Trái đất dẫn tới biến đổi khí hậu toàn cầu, nhiệt độ tăng, nước biển dâng và thiên tai ngày càng khốc liệt. Bởi vậy, nhân loại cần phải thống nhất hành động.

Theo David A. Munro (1995), khái niệm bền vững và quan điểm nhìn nhận sự PTBV là một mục tiêu có khả năng đạt được, không hề là khoa trương. Bền vững phải là tiêu chuẩn chính để phán xét sự phát triển. PTBV trên thực tế phải bao gồm: bền vững hệ sinh thái (sức khỏe hệ sinh thái), bền vững xã hội (truyền thống và hiện tại) và bền vững về kinh tế (lợi ích và chi phí). Ông cũng cho rằng, bền vững không phải là một mục tiêu mà là một tiêu chuẩn đối với quan điểm và hành động. Đó là một quá trình tiếp diễn có tính lặp đi lặp lại. Thông qua đó, kinh nghiệm trong việc quản lý các hệ thống phức hợp được tích lũy, đánh giá và vận dụng. Thaddeus C. Trzyna (1995) cho rằng, PTBV là một quá trình chính trị và xã hội, thách thức cuối cùng không phải là về mặt khoa học và kỹ thuật mà là ở chỗ nó đòi hỏi phải thay đổi hành vi của con người. PTBV đòi hỏi phải có sự xuyên suốt nhiều lĩnh vực chuyên ngành và bộ môn. Cùng chung với luận điểm này, Stephen Viederman coi bền vững không phải là một vấn đề kỹ thuật cần giải quyết mà là một tầm nhìn vào tương lai, đảm bảo cho chúng ta một lộ trình và giúp tập trung, chú ý vào một tập hợp các giá trị và những nguyên tắc mang tính luân lý, đạo đức để hướng dẫn hành động của chúng ta...

Có tới trên 70 định nghĩa về PTBV lưu hành trên thế giới, song hầu hết đều cho rằng phát triển kinh tế bền vững phải gắn liền với bền vững môi trường sinh thái và bền vững về xã hội (hài hòa truyền thống và hiện tại); nó là quá trình chính trị - xã hội

## ■ **Diễn đàn Khoa học và Công nghệ**

ra quyết định cho sự công bằng giữa quá khứ - hiện tại và tương lai trong khai thác tài nguyên thiên nhiên. Để xây dựng chiến lược PTBV toàn cầu và mỗi quốc gia, vùng lãnh thổ, cần thiết phải xây dựng các chỉ tiêu giám sát, đo lường chỉ số PTBV.

Ủy ban PTBV của LHQ đã thông qua Chương trình xây dựng các chỉ thị PTBV năm 1995 và kêu gọi các tổ chức của LHQ, các tổ chức liên chính phủ và phi chính phủ tham gia các hợp phần của Chương trình. Mục tiêu xây dựng các chỉ thị PTBV nhằm hỗ trợ việc hoạch định chính sách tầm quốc gia. Các bộ chỉ thị lượng hóa các trụ cột PTBV như: KT-XH - tài nguyên môi trường và có thêm các chỉ thị tổng hợp như chỉ số phát triển con người (HDI) hay GPD xanh... Sự nỗ lực của LHQ đã nhận được sự hưởng ứng của hầu hết các quốc gia, các tổ chức phi chính phủ nên có tới 900 công trình liên quan đến chỉ thị PTBV (trong đó có 94 công trình cấp toàn cầu, 262 công trình ở cấp quốc gia và 170 công trình ở cấp tỉnh, vùng lãnh thổ). Qua đó cho thấy tính đa dạng trong tiếp cận khái niệm PTBV. PTBV không phải là “minh triết” giải mã phạm trù “vật chất - ý thức - đạo đức”, ứng xử của con người với thiên nhiên và đồng loại nhằm mang lại cuộc sống hạnh phúc bền lâu. Để chẩn đoán những tác động đa chiều: tự nhiên - xã hội - môi trường - văn hóa theo không gian, thời gian đòi hỏi các chỉ thị đa chiều, liên lĩnh vực. Mỗi quốc gia, vùng lãnh thổ cần lựa chọn được những giá trị cốt lõi, giá trị căn bản và giá trị đặc trưng phù hợp, những giá trị thiên nhiên và nhân văn.

Chính phủ Việt Nam đã ban hành “Định hướng chiến lược PTBV ở Việt Nam” (Chương trình nghị sự Agenda 21 của Việt Nam) theo Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg ngày 17/8/2004 của Thủ tướng Chính phủ, “Chiến lược PTBV Việt Nam giai đoạn 2011-2020” theo Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, đã xây dựng bộ

chỉ thị PTBV quốc gia và một số địa phương, trong đó có Tây Nguyên. Thế giới luôn biến động là quy luật tất yếu, nhưng khoa học và công nghệ là công cụ giúp chúng ta nắm rõ quy luật vận động của thiên nhiên, KT-XH, do vậy cần định hướng đúng chiến lược PTBV quốc gia và vùng lãnh thổ. Thực tế sau 2 cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 2 và thứ 3 trên hành tinh của chúng ta đã xảy ra 2 cuộc chiến tranh thế giới và nhiều cuộc chiến tranh cục bộ, khu vực, giết hại hàng trăm triệu người, hủy hoại hàng trăm triệu ha thiên nhiên, môi trường sống. Câu hỏi đặt ra là, làm thế nào để có hòa bình bền vững khi mà các quốc gia trên thế giới phân hóa đa chủ nghĩa, đa tôn giáo, đa văn hóa, sắc tộc... Bước vào thế kỷ XXI, Trái đất già nua có tuổi chừng 4,5 tỷ năm bỗng rung chuyển bởi nhiều đợt phun trào núi lửa trên khắp các lục địa và đại dương. Kèm theo đó là động đất, sóng thần, gây thảm họa kép cho con người và sinh giới. Hệ thống núi lửa Thái Bình Dương đã hoạt hóa, phun vào khí quyển và đại dương bao tro bụi, khí và nhiệt lượng tử dung nham tuôn trào từ lòng sâu Trái đất. Đây là một trong những nguyên nhân trực tiếp làm cho khí quyển Trái đất nóng thêm cùng với khói bụi do hoạt động của loài người gây nên biến đổi khí hậu toàn cầu. Hàng loạt trận cuồng phong, bão tố, ngập lụt tàn phá cảnh quan nhân sinh và thiên nhiên trên hành tinh. Hoang mạc hóa lan rộng, băng tan và nước biển dâng, trượt lở, nứt đất xuất hiện ở nhiều nơi trên Trái đất. Trái đất đang ở kỷ Đệ tứ, liệu đây có phải là dấu hiệu của một chu kỳ địa động lực “đại tuần hoàn địa chất” mới. Khái niệm PTBV, thế giới bền vững không có giá trị tuyệt đối mà chỉ là tương đối. Những hiện tượng mới xuất hiện trên Trái đất cùng những phát kiến về vũ trụ và đại dương cho thấy những hiểu biết của loài người trên hành tinh còn hữu hạn.

Sự PTBV của một vùng lãnh thổ hay một quốc gia cần được đánh giá qua trụ cột an ninh và văn hóa. Tài

nguyên vị thế trở nên quan trọng, định hình giá trị an ninh truyền thống và phi truyền thống trong sân chơi toàn cầu. Mỗi quốc gia và vùng lãnh thổ, con người cần đổi mới tư duy để lựa chọn mô hình PTBV và chỉ số giám sát PTBV đặc thù khách quan giữa thiên nhiên và con người. Đúng như Einstein đã nói: “ta không thể giải quyết được những vấn đề ta tạo ra bằng chính lối tư duy dùng để tạo ra chúng”.

Với các phân tích về lý luận PTBV nêu trên, chúng tôi cố gắng đóng góp các luận cứ khoa học về PTBV Tây Nguyên sát với thực tiễn sau đây.

### **Những vấn đề cần chú ý trong PTBV Tây Nguyên**

1. Qua phân tích khái quát về PTBV cho thấy những bài học cho Tây Nguyên như sau:

- PTBV không phải là khái niệm tuyệt đối mà là triết lý phát triển nhân loại cần phải hướng tới hạnh phúc, an bằng cùng thiên nhiên và vũ trụ.

- Bộ chỉ thị PTBV phải là những “hàng số” tổng hợp có giới hạn không gian và thời gian, là “cận biên” nhận dạng một “mô hình cân bằng động”. Bởi vậy, mỗi quốc gia và vùng lãnh thổ trong mỗi giai đoạn nhất định cần xác lập “giá trị bán định lượng” cho PTBV của quốc gia và địa phương đó.

- “Bộ chỉ thị PTBV” phải tích hợp không gian đa chiều và cần khai thác phục vụ xây dựng kế hoạch phát triển linh hoạt, trong đó phản ánh rõ các giá trị cốt lõi, giá trị cơ bản và giá trị đặc trưng của quốc gia, vùng lãnh thổ. Phát triển KT-XH định hướng bền vững không những cần đổi trọng 3 trụ cột KT-XH-môi trường mà còn không thể thiếu trụ cột văn hóa và an ninh.

- Bài toán tổng hợp mô hình phát triển KT-XH Tây Nguyên định hướng bền vững phải dựa trên kết quả nghiên cứu khoa học tổng hợp liên ngành tự nhiên - xã hội - công nghệ. Các kết quả nghiên cứu khoa học phải được số hóa, hòa chung vào công thông

tin điện tử của các tỉnh Tây Nguyên và quốc gia, thường xuyên được truy nhập, truy xuất, được quản trị hiệu quả, gắn kết “các nhà” trong toàn xã hội. Nếu chỉ chuyển giao KH&CN rời rạc sẽ chỉ cho các kết quả manh mún, không thể trở thành đòn bẩy cho “hệ thống cân bằng động” KT-XH-môi trường và thiên nhiên bút phá.

2. Ứng dụng các kết quả nghiên cứu về PTBV Tây Nguyên: Chương trình Tây Nguyên 3 là chương trình khoa học tổng hợp đa ngành thứ 3 đối với Tây Nguyên kể từ sau khi thống nhất đất nước (1975). Một trong những nhiệm vụ khoa học thành công của chương trình là “Nghiên cứu xây dựng bộ chỉ tiêu PTBV về các lĩnh vực KT-XH, môi trường các tỉnh Tây Nguyên” (mã số TN3/T08, do TS Trần Văn Ý làm chủ nhiệm). Bộ chỉ tiêu PTBV Tây Nguyên được xây dựng trên cơ sở kế thừa mô hình của LHQ (2007) và sử dụng hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia (2010) cùng các chỉ tiêu giám sát và đánh giá PTBV Việt Nam, địa phương (2012-2013). Với 77 chỉ tiêu cấp vùng, 70 chỉ tiêu cấp tỉnh và 48 chỉ tiêu cấp huyện, bộ chỉ tiêu PTBV Tây Nguyên được xử lý định lượng bằng phương pháp Delphi và tham vấn các chuyên gia khoa học quản lý tại địa phương để phù hợp với đặc thù KT-XH, môi trường Tây Nguyên. Các tác giả cũng khẳng định: phát triển hướng tới bền vững của một lãnh thổ là một quá trình lâu dài được điều phối bởi một chiến lược phát triển tổng hợp, hài hòa giữa KT-XH-môi trường; liên ngành và xuyên suốt giữa các ngành, các lãnh thổ và cho nhiều thế hệ trên Tây Nguyên.

3. Tài nguyên vị thế Tây Nguyên cấu thành nên giá trị cốt lõi đối với PTBV. Khu vực Tây Nguyên có vị trí địa chính trị đặc biệt quan trọng, bao gồm hệ thống núi - cao nguyên với những thung lũng, đồng bằng giữa núi phía tây Trường Sơn Nam. Trường Sơn Nam có đường gờ núi hình cánh cung, phần lõm phía đông dốc đứng song song với đường bờ biển; phần

lõm ôm lấy các cao nguyên phân tầng dốc thoải dần về phía tây tới biên giới Lào và Campuchia. Phía bắc Tây Nguyên trên nền cổ Kon Tum là các đỉnh núi cao trên 2.000 m, trong đó đỉnh Ngọc Linh cao nhất 2.598 m. Còn ở trung và nam Tây Nguyên là khối núi cực Nam Trung Bộ có đỉnh Chư Yang Sin cao 2.405 m. Đây là những cực đỉnh của “nóc nhà Đông Dương” như đài quan sát, kiểm soát không gian rộng lớn vùng trời và vùng biển của đất nước. Các nhà địa lý trong Chương trình Tây Nguyên I (1976-1980) đã phân Tây Nguyên thành 21 vùng, trong đó 9 vùng là núi và đồi, 5 vùng trũng giữa núi, 7 vùng cao nguyên.

Đóng vai trò an ninh môi trường Tây Nguyên là vùng chia nước giữa lưu vực sông Mê Kông và các lưu vực đổ vào Biển Đông. Các sông của Tây Nguyên đổ ra Biển Đông khoảng 50 tỷ m<sup>3</sup> nước cùng nguồn phù sa, dinh dưỡng cho hệ sinh vật phần thêm lục địa từ đảo Lý Sơn đến đảo Phú Quý. Nhiều cửa sông, cảng biển nước sâu ven biển Nam Trung Bộ cùng với hệ thống đường quốc lộ là cửa ngõ thông thương của Tây Nguyên với thế giới.

Từ góc độ kinh tế, Tây Nguyên là “ngã ba Đông Dương” mở với Biển Đông, có nhiều cảng nước sâu là nơi gặp gỡ của những tuyến giao thông huyết mạch Đông - Tây, Bắc - Nam, là tiền đề xây dựng các hành lang kinh tế. Tài nguyên vị thế của Tây Nguyên cần được đầu tư và khai thác logistics hiệu quả trong giai đoạn hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay.

4. Những giá trị căn bản của thiên nhiên phục vụ cho phát triển định hướng bền vững Tây Nguyên là tài nguyên khoáng sản, tài nguyên đất, tài nguyên rừng. Kết quả nghiên cứu của Chương trình Tây Nguyên 3 cho thấy:

- Khoáng sản Tây Nguyên khá phong phú và đa dạng về loại hình, kiểu nguồn gốc, trong đó có những loại khoáng sản có quy mô rất lớn

(bauxit và sắt đi kèm), đá ốp lát từ đá magma, có những khoáng sản đặc thù (magnetit, bentonit và diatomit) so với các vùng khác của đất nước. Đây là những khoáng sản có thể mạnh của Tây Nguyên trong cân đối nguồn tài nguyên khoáng sản của cả nước. Cơ sở dữ liệu khoáng sản Tây Nguyên được cập nhật, rà soát, chỉnh biên có 960 tụ khoáng, trong đó có 96 mỏ khoáng sản, 601 điểm khoáng sản và 262 biểu hiện khoáng sản với hơn 50 loại như: nhôm, sắt, thiếc, wolfram, đồng, vàng, chì, kẽm, autimon, molipden, bismut. Các khoáng sản đá quý, đá mỹ nghệ, vật liệu xây dựng... phong phú và có triển vọng. Mặc dù vậy, giá trị tổng sản phẩm của ngành khoáng sản các tỉnh Tây Nguyên đóng góp vào GDP còn rất thấp, vấn đề môi trường liên quan đến khai thác, chế biến khoáng sản đáng báo động. Bên cạnh việc sớm ứng dụng các kết quả nghiên cứu của Chương trình Tây Nguyên 3 về nghiên cứu khoáng sản, cần tiếp tục điều tra dự báo, quy hoạch các tổ hợp công nghiệp khai thác, chế biến có công nghệ tiên tiến; hình thành và phát triển tư duy mới về khoáng sản nói riêng và tài nguyên địa chất địa mạo nói chung trong phát triển KT-XH định hướng bền vững. Trong đó, cần tích hợp các dạng tài nguyên địa chất tự nhiên như nứt đất, trượt đất xuất hiện ngày càng nhiều trên Tây Nguyên.

- Lớp phủ thổ nhưỡng Tây Nguyên có thể coi là kỳ quan thiên nhiên vùng cao nguyên nhiệt đới ẩm: đa dạng, đa màu sắc với 11 nhóm và 29 loại đất. Tổng diện tích đất Tây Nguyên là 5,36 triệu ha (không kể sông, suối), có trên 630 nghìn ha đất mùn vàng nhạt và alit mùn đen á nhiệt đới núi cao (điển hình là vùng núi Ngọc Linh và Chư Yang Sin), 3,68 triệu ha đất đỏ vàng trên các cao nguyên bazan thích hợp cho cây công nghiệp dài ngày. Các loại đất phù sa, đất đen, đất lầy, đất thung lũng có diện tích nhỏ (5-6%) song có giá trị phát triển cây lương thực, rau màu. Tiềm năng đất đai của Tây Nguyên là giá trị căn bản



Khảo sát đất hoang hóa tại Ea Đrăng, huyện Krông Búk, Đắk Lắk.

vượt trội không thua kém vùng Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long. Chính độ phì của đất đai Tây Nguyên đã quyết định giá trị đặc trưng: một hệ sinh thái nông nghiệp cao nguyên “nhiệt đới đặc sắc” cho phát triển tập đoàn cây công nghiệp, cây ăn quả có giá trị hàng hóa quy mô lớn.

Trong bức khảm đất Tây Nguyên còn có các gam màu của đất thoái hóa như đất xám bạc màu (gần 540 ngàn ha), đất xói mòn trơ sỏi đá (trên 170 ngàn ha) và đặc biệt là đất xám nâu bán khô hạn (trên 2,2 ngàn ha) dưới trảng cỏ và rừng khộp. Đất dốc là yếu tố hạn chế trong sử dụng đất Tây Nguyên liên quan đến xói mòn, thoái hóa. Diện tích đất dốc <math><15^\circ</math> gần 1 triệu ha, chiếm 9,6% tổng diện tích đất. Qua đó cho thấy nguy cơ thoái hóa đất Tây Nguyên là rất lớn. Kết quả nghiên cứu tổng hợp thoái hóa đất, hoang mạc hóa ở Tây Nguyên thuộc Chương trình Tây Nguyên 3 đã phát hiện diện tích đất bị thoái hóa mạnh và rất mạnh chiếm 36,8%; thoái hóa trung bình 44,1%; thoái hóa ít và không thoái hóa chỉ khoảng 20% tổng diện tích đất tự nhiên. Đáng báo động là hoang mạc hóa đã xuất hiện và có chiều hướng lan rộng (hơn 6.380 ha

hoang mạc hóa). Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thoái hóa đất và hoang mạc hóa, như sự mở rộng diện tích nông nghiệp trên đất lâm nghiệp, phá rừng để phát triển thủy điện, đào xới đất cho khai thác khoáng sản, khai thác độc canh thiếu biện pháp bảo vệ... Giá trị căn bản của tài nguyên đất trong PTBV Tây Nguyên cần được xác định giới hạn diện tích an toàn. Từ kết quả nghiên cứu tổng hợp của Chương trình Tây Nguyên 3 cho thấy: diện tích đất dành cho phát triển nông nghiệp Tây Nguyên tối đa khoảng 1,5-1,6 triệu ha, tương ứng 28-30% diện tích Tây Nguyên; diện tích đất dành cho phát triển lâm nghiệp bền vững tối thiểu là 55-60% diện tích Tây Nguyên; diện tích còn lại phục vụ cho xây dựng đô thị, khu công nghiệp, giao thông... và các mục đích khác. Cần quản trị thống nhất đất đai theo pháp luật, không phá vỡ quy hoạch chung và khai thác theo lợi ích các “nhóm ngành” như trước đây.

- Rừng Tây Nguyên không chỉ có giá trị cơ bản trong định hướng PTBV mà còn mang giá trị đặc trưng thương hiệu của “Tây Nguyên đại ngàn”. Rừng đại ngàn Tây Nguyên làm nên bản sắc văn hóa của 12 dân tộc tại chỗ và có chức năng phòng hộ

đầu nguồn cho 4 hệ thống sông lớn: Sesan, Srêpôk, Ba và Đồng Nai, đổ vào Biển Đông và lưu vực sông Mê Kông. Song rất tiếc, hiện nay rừng Tây Nguyên đã bị suy giảm nghiêm trọng về diện tích và chất lượng. Diện tích có rừng chỉ còn 2.502.518 ha (~46,3% tổng diện tích Tây Nguyên). Diện tích rừng gỗ có trữ lượng giàu (>200 m<sup>3</sup>/ha) chỉ còn 289 nghìn ha, chiếm 14,5% diện tích rừng cây gỗ; rừng nghèo kiệt và chưa có trữ lượng (0-100 m<sup>3</sup>/ha) là 882 nghìn ha, chiếm 44,2% diện tích rừng cây gỗ. Đáng báo động là rừng phòng hộ đầu nguồn chỉ còn 638.135 ha, trong đó diện tích chưa bị suy thoái chỉ chiếm 11%, suy thoái nhẹ chiếm 30,6%, suy thoái trung bình chiếm 38,6% và suy thoái nghiêm trọng chiếm 19,8%. Khủng hoảng sinh thái rõ nhất là khủng hoảng thừa và thiếu nước đã liên tiếp xuất hiện ở nhiều nơi (mùa mưa lụt lội, mùa khô cạn kiệt). Mô hình quản lý rừng còn chông chéo, kém hiệu quả. Cần giao đất, giao rừng có chủ cụ thể để thực hiện quản trị rừng đa mục đích, kết hợp kiến thức khoa học và tri thức bản địa.

5. Giá trị đặc trưng cho PTBV của Tây Nguyên là tài nguyên khí hậu, thủy văn. Lượng bức xạ tổng cộng năm phổ biến trên Tây Nguyên là 140-160 kcal/cm<sup>2</sup>, số giờ nắng lên đến 2.000-2.400 giờ; nhiệt độ trung bình năm 22-24°C và tổng nhiệt độ năm phổ biến là 8.000-9.000°C. Nguồn nhiệt lượng này đang được khai thác bởi các nhà máy năng lượng mặt trời và năng lượng gió mới đang ở giai đoạn chuyển giao hòa nhập lưới điện quốc gia. Một trong những nhiệm vụ khoa học của Chương trình Tây Nguyên 2016-2020 là đánh giá xác thực tiềm năng kinh tế - kỹ thuật nguồn năng lượng gió và năng lượng mặt trời để lựa chọn được công nghệ và quy mô khai thác hợp lý phù hợp với điều kiện đặc thù Tây Nguyên. Đồng thời, chuyển giao mô hình ứng dụng công nghệ tiên tiến máy phát điện di động cho hộ gia đình và điểm trông coi nương rẫy không đầu nổi

diện lưới quốc gia.

Tây Nguyên có một lượng nước dồi dào theo chế độ mưa mùa và mưa địa hình. Với lượng mưa trung bình 1.847 mm/năm, ước khoảng trên 100 tỷ m<sup>3</sup> nước mưa rơi xuống trên toàn lãnh thổ Tây Nguyên. Mưa đã làm nên đặc trưng mùa sâu sắc của Tây Nguyên; mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 đón 85-90% lượng nước; 6 tháng còn lại là mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau toàn Tây Nguyên chỉ đón 10-15% lượng mưa năm. Tính tương phản mùa mưa cộng với tương phản của địa hình dẫn đến sắc thái đặc biệt phân phối tự nhiên của Tây Nguyên: nước cho dòng chảy mặt, cho dòng chảy ngầm, nước cho thổ quyển - sinh quyển và nước bốc hơi vào khí quyển làm dịu mát cơn nóng rất nhiệt đới cao nguyên. Bốn hệ thống sông: Ba, Sesan, Srêpôk, Đồng Nai đã tiếp nhận 47,9 tỷ m<sup>3</sup>/năm chảy ra Biển Đông và vào sông Mê Kông. Con số này cao hơn công bố của Chương trình Tây Nguyên I (năm 1976-1980) là 4,1 tỷ m<sup>3</sup>/năm. Điều này cho thấy rõ tính giữ nước của mặt đệm Tây Nguyên đã giảm sút do thoái hóa rừng, thoái hóa đất. Tương tự, tổng lượng dòng chảy ngầm của Tây Nguyên chỉ còn 6,57 tỷ m<sup>3</sup>/năm. Lệch pha 2 tháng với mùa mưa là mùa lũ từ tháng 7 đến tháng 11 với lượng nước thu nạp vào sông chiếm 70-77%, còn mùa hạn kiệt từ tháng 12 đến tháng 6 lượng nước sông chỉ khoảng 23-30%. Lũ lụt và hạn kiệt là khủng hoảng thừa và thiếu nước trở thành đặc trưng của Tây Nguyên. Nhu cầu nước cho các nhóm ngành phục vụ phát triển KT-XH như: thủy điện, công nghiệp khai thác khoáng sản, mở rộng diện tích cây công nghiệp cần tưới, nước cho dân sinh, đô thị hóa... làm cho khủng hoảng về nước ngày càng sâu sắc hơn. Tình trạng khoan các giếng nước ngầm để cứu khát cho cà phê, hồ tiêu ngày càng sâu và hầu như không kiểm soát. Mâu thuẫn sử dụng nước và xung đột môi trường đang hiện hữu. Giải pháp nào để PTBV nguồn năng lượng và nguồn nước trên Tây

Nguyên? Câu hỏi này đang được đặt ra trong các nhiệm vụ khoa học của Chương trình Tây Nguyên 2016-2020.

6. Dân cư, dân tộc, văn hóa, tôn giáo là những giá trị văn hóa cốt lõi trong PTBV Tây Nguyên. Tây Nguyên là vùng đất đa sắc tộc, đa văn hóa, với dân số hơn 6 triệu người, có mặt gần như đủ 54 dân tộc Việt Nam (chưa kể người nước ngoài), trong đó khoảng 21% dân tộc tại chỗ (gồm 12 dân tộc), 10% dân tộc ít người di cư từ các nơi khác tới, còn lại 69% dân tộc Kinh. Một vùng địa văn hóa đa sắc mà trung tâm là không gian văn hóa công cộng đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại. Nhìn nhận lại những giá trị của vùng dân cư đa sắc tộc, đa văn hóa Tây Nguyên phục vụ phát triển KT-XH định hướng bền vững cho thấy còn nhiều vấn đề cần giải quyết. Mâu thuẫn và xung đột xã hội vẫn luôn rình rập mặc dù những thành quả, lợi ích của cách mạng đem lại cho người dân Tây Nguyên sau hơn 30 năm đổi mới đất nước là không thể phủ nhận. Các nhà khoa học của Chương trình Tây Nguyên 3 đã chỉ ra các vấn đề về dân cư, tôn giáo, văn hóa, quốc phòng, quan hệ tộc người, giáo dục... Đặc biệt, nguyên nhân sâu xa nằm trong việc quản lý thiên nhiên và con người. Từ chỗ chỉ có người dân tộc thiểu số tại chỗ cùng với cộng đồng người Kinh sinh ra và lớn lên ở Tây Nguyên, nay tiếp nhận hàng chục dân tộc ít người và cả người Kinh với số lượng lớn theo luồng di dân có tổ chức và di cư tự do. Dân số Tây Nguyên liên tục tăng, từ 1,1 triệu người năm 1976 lên 2,5 triệu năm 1986, 5,4 triệu năm 2015 và hiện nay là trên 6 triệu người. Sự khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa, tập quán đã dẫn đến mâu thuẫn, xung đột. Luân lý bị buông lỏng một phần do thiếu kiến thức. Chất lượng dân số về học vấn và kỹ năng lao động không cao, tính hợp tác cộng đồng yếu kém. Do vậy để PTBV, bên cạnh việc giải quyết các vấn đề về cơ chế, đầu tư, công nghệ, cần phải có một khối đại đoàn

kết các dân tộc Tây Nguyên. Bài học cội nguồn có giá trị là anh em nhà Tây Sơn (Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ, Nguyễn Huệ) thế kỷ XVIII liên minh với các dân tộc Tây Nguyên luyện quân ở An Khê (Gia Lai) để đánh “giặc Phương Bắc”; công cuộc thống nhất đất nước và khối đại đoàn kết các dân tộc Tây Nguyên trong chiến tranh chống Pháp, chống Mỹ mà đỉnh cao là chiến thắng Buôn Mê Thuột tháng 3/1975, mở đầu chiến dịch Hồ Chí Minh. Điều đó cho thấy, cần phải đẩy nhanh quá trình hòa hợp dân tộc và xây dựng một mô hình văn hóa mới hiện đại của Tây Nguyên - nền văn hóa, văn minh đa sắc tộc dựa trên pháp luật, trong đó có vai trò của thể chế phi chính thức truyền thống.

Hiện nay, đô thị hóa và công nghiệp hóa đã tạo nên một diện mạo Tây Nguyên hiện đại nhưng chưa đồng bộ và chưa mang đậm bản sắc đô thị cao nguyên. Các trường đại học, viện nghiên cứu, bệnh viện, trung tâm văn hóa... còn chưa đủ tầm và năng lực để Tây Nguyên trở thành trung tâm kinh tế động lực của đất nước và khu vực. Những giá trị cốt lõi của PTBV về văn hóa, xã hội cần được tiếp tục làm rõ để tích hợp cùng các giá trị cốt lõi về tài nguyên thiên nhiên phục vụ PTBV Tây Nguyên ✎

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chỉ đạo Tây Nguyên (2017), “15 năm hình thành và phát triển”, *Tạp tư liệu KT-XH vùng Tây Nguyên 2001-2015*.
2. Châu Văn Minh (2016), “Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển KT-XH bền vững vùng Tây Nguyên”, *Báo cáo tổng kết Chương trình Tây Nguyên 3*, Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
3. Nguyễn Đình Kỳ (2016) (chủ biên), “Xây dựng cơ sở dữ liệu GIS và Atlas điện tử tổng hợp vùng Tây Nguyên”, *Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu KH&CN thuộc Chương trình Tây Nguyên 3, đề tài TN3/T22*, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam, Hà Nội.